

# DU LỊCH SINH THÁI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỊA PHƯƠNG

Nguyễn Thị Minh Thuý

**Tóm tắt:** Mục tiêu chính của bài viết nhằm làm rõ vai trò quyết định của cộng đồng đối với sự phát triển bền vững ở địa phương qua việc tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái. Bài viết này sẽ vận dụng cách tiếp cận du lịch sinh thái từ cộng đồng của Nicole Hausle và Wolfgang Strasdas trong việc xác định tài nguyên du lịch và cộng đồng trong quá trình phát triển bền vững. Từ đó, bài viết chỉ ra nguồn tài nguyên du lịch nổi bật của huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, thực trạng hoạt động du lịch cộng đồng và tác động của nó tới đời sống kinh tế - xã hội của cư dân địa phương trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

**Từ khoá:** Du lịch sinh thái; Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng; Phát triển bền vững; Đảo Lý Sơn.

## Mở đầu

Trong công trình “Du lịch sinh thái - những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam” đã đưa ra định nghĩa: Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng được biết đến là một loại hình du lịch bền vững và được lựa chọn là hướng phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam (Phạm Trung Lương và cộng sự, 2002, tr.37). Nhằm đáp ứng mục tiêu vừa khai thác được thế mạnh của các tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn, vừa mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng cư dân, bởi vậy, du lịch sinh thái đã và đang phát triển theo chiều hướng mới là du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng.

Trong bối cảnh phát triển chung của kinh tế thị trường và đô thị hoá, nhiều địa phương đang đứng trước những thay đổi về tài nguyên, môi trường và biến đổi trong bản sắc văn hoá tộc người, thách thức cho phát triển bền vững và Lý Sơn cũng là địa phương nằm trong xu thế đó. Sự tham gia của cộng đồng vào du lịch sinh thái chính là yếu tố quyết định đến sự phát triển bền vững ở địa phương.

Trên thế giới, du lịch sinh thái hình thành từ nửa cuối những năm 1970 đến giữa những năm 1980 của thế kỷ XX và được coi là một mô hình phát triển của du lịch bền vững. Cho đến cuối những năm thập niên 90 của thế kỷ trước, những nghiên cứu về du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng cho rằng: “Du lịch dựa vào cộng đồng là một loại hình du lịch trong đó chủ yếu người dân địa phương đứng ra phát triển và quản lý hoạt động du lịch, lợi ích từ du lịch sẽ đóng góp một phần vào phát triển kinh tế địa phương” (Nicole Hausle và Wolfgang Strasdas, 2000, tr.72). Quỹ bảo tồn thiên nhiên thế giới lại cho rằng: “Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch mà ở đó cộng đồng địa phương có sự kiểm soát và tham gia chủ yếu vào sự phát triển và quản lý các hoạt động du lịch và phần lớn lợi nhuận thu được từ hoạt động du lịch giữ lại cho cộng đồng” (WWF International, 2001, tr.35). Các quan điểm trên đã chỉ ra tầm quan trọng của người dân địa phương trong phát triển du lịch ngay trên địa bàn sinh sống của họ. Đa số các nghiên cứu theo hướng này tập trung vào việc đánh giá, tìm hiểu những điều kiện cần thiết của một địa



phương để có thể phát triển loại hình du lịch này. Địa phương không chỉ có tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn mà điều kiện về hạ tầng và con người cũng là nhân tố quan trọng.

Bên cạnh đó, một số nghiên cứu chỉ ra rằng, phát triển du lịch sinh thái từ cộng đồng là một phương thức tiếp cận bền vững, một công cụ để bảo tồn tài nguyên du lịch (Wheeler, B, 1992). Với cách tiếp cận hoàn toàn khác, những nghiên cứu theo hướng này chủ yếu chỉ rõ vai trò của các bên liên quan trong hoạt động du lịch cộng đồng là cộng đồng địa phương, các tổ chức hỗ trợ phát triển, các nhà quản lý. Wheeler, B. (1992) cho rằng du lịch cộng đồng sẽ mang lại hai lợi ích: bảo tồn tự nhiên và phát triển cộng đồng. Từ những nghiên cứu điển cụ thể, một số nghiên cứu đề xuất về bài học kinh nghiệm và phương pháp phát triển du lịch cộng đồng (WWF International, 2001).

Ở Việt Nam, du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng bắt đầu hình thành và phát triển từ năm 1990 với sự kiện “Năm du lịch Việt Nam” được tổ chức. Nghiên cứu của Phạm Trung Lương và cộng sự (2002) cho thấy du lịch cộng đồng là phương thức phát triển du lịch bền vững mà ở đó cộng đồng địa phương có sự tham gia trực tiếp và chủ yếu trong các giai đoạn phát triển và mọi hoạt động du lịch. Cộng đồng nhận được sự hợp tác, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế, của chính quyền địa phương cũng như chính phủ và nhận được phần lớn lợi nhuận thu được từ hoạt động du lịch nhằm phát triển cộng đồng, bảo tồn, khai thác tài nguyên môi trường du lịch bền vững. Nghiên cứu của Phạm Thị Mộng Lâm và Lâm Thị Mai Lan (2000) chỉ ra, việc phát triển du lịch dựa vào cộng đồng không làm tổn hại hay phá huỷ các tài nguyên ở địa phương, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của

cư dân địa phương, tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ dừng lại ở một số nhóm người cụ thể chịu tác động của du lịch như người bán hàng rong, người kinh doanh du lịch,...

Bên cạnh đó, phát triển du lịch cộng đồng sẽ phát huy được các giá trị về tài nguyên biển (Nguyễn Thanh Lợi, 2014), kinh tế - xã hội và môi trường của khu vực ven biển (Đỗ Hoài Nam, 2003), văn hoá biển (Sở văn hoá, thể thao và du lịch Quảng Ngãi, 2013; Trần Ngọc Thêm, 2013).

Đến nay, du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng là chủ đề thu hút sự quan tâm của rất nhiều học giả trong và ngoài nước. Các nghiên cứu đã cho thấy, sự phát triển của du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng là nhân tố quan trọng trong quá trình phát triển, có tác động lớn đến đời sống kinh tế - xã hội, đồng thời phát huy được tiềm năng vốn có của địa phương. Tuy nhiên, các nghiên cứu trên chưa chỉ ra được thực trạng và sự tham gia của cộng đồng cư dân địa phương trong quá trình phát triển du lịch cộng đồng, đặc biệt là du lịch sinh thái từ cộng đồng ở vùng ven biển và hải đảo.

Bài viết này chỉ ra những nguồn tài nguyên du lịch nổi bật của huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, thực trạng của hoạt động du lịch cộng đồng và tác động của nó tới đời sống kinh tế - xã hội của cư dân địa phương trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

## **1. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

### ***1.1. Cách tiếp cận du lịch sinh thái từ cộng đồng***

Theo nhà nghiên cứu Nicole Hausle và Wolfgang Strasdas, 2009, tr. 72-73: “Du lịch sinh thái cộng đồng là một hình thái du lịch trong đó chủ yếu là người dân địa phương đứng ra phát triển và quản lý nguồn tài nguyên, nguồn lợi kinh tế có được từ du lịch là những đóng góp quan trọng với kinh tế địa



phương”. Bài viết này sẽ vận dụng cách tiếp cận du lịch sinh thái từ cộng đồng của Nicole Hausle và Wolfgang Strasdas trong việc xác định tài nguyên du lịch và cộng đồng trong quá trình phát triển.

Bên cạnh đó, nghiên cứu về du lịch sinh thái từ cộng đồng cũng cần nhìn nhận giá trị nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn, đồng thời thấy được mối quan hệ tương tác của các nguồn lợi ấy trong phạm vi không gian lãnh thổ nhất định với đặc trưng riêng về tự nhiên và kinh tế - xã hội. Ngoài ra, cách tiếp cận vùng, gồm văn hoá vùng và phát triển bền vững vùng cũng được vận dụng khi nghiên cứu các khía cạnh về văn hoá, giúp làm rõ các khía cạnh văn hoá biển và hải đảo với các vấn đề phát triển du lịch và phát triển bền vững ở đảo Lý Sơn.

## 1.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp bản đồ*: Thông qua bản đồ và xác định toạ độ địa lý đảo Lý Sơn để thấy được vị trí của đảo cũng như điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên nổi bật của đảo Lý Sơn.

- *Phương pháp phỏng vấn, quan sát tại thực địa*: Nghiên cứu này thực hiện 16 cuộc phỏng vấn chính quyền, du khách và cư dân địa phương, đồng thời, kết hợp quan sát lượng khách du lịch, mô hình homestay, và những người tham gia vào các hoạt động dịch vụ.

- *Phương pháp thống kê*: dựa vào báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Lý Sơn, thống kê lượng khách và doanh thu từ hoạt động du lịch sinh thái, đồng thời, thống kê số lượng người tham gia du lịch của địa phương từ những quan sát ở thực địa.

## 2. Đối tượng khảo sát

### 2.1. Địa bàn nghiên cứu

Huyện đảo Lý Sơn có diện tích 10,32 km<sup>2</sup>, gồm 3 xã (An Vĩnh, An Hải và An Bình),

thuộc hai đảo Lớn và đảo Bé, cách nhau 1,67 hải lý. Dân số 22.174 người, trong đó, với cơ cấu dân số là 35% làm nông nghiệp, 32% làm ngư nghiệp, 32% làm thương nghiệp và dịch vụ khác (Số liệu Ủy ban nhân dân huyện Lý Sơn, 2018).

### 2.2. Tài nguyên du lịch nổi bật đảo Lý Sơn

#### *Tài nguyên du lịch sinh thái tự nhiên*

Về địa hình, Lý Sơn có sự kiến tạo đặc biệt của tự nhiên, nơi đây có nhiều thắng cảnh nổi tiếng như: Chùa Hang, hang Câu, cổng Tò Vò, đặc biệt là hai miệng núi lửa Giếng Tiền và Thới Lới. Ngoài ra có khu sinh thái biển Mù Cu, có giá trị phát triển thành khu du lịch tổng hợp.

Bãi biển phía Bắc xã An Vĩnh, An Hải: Đây là khu vực nước nông, cát hạt to, có nhiều san hô, sóng lớn, không thuận lợi để tắm biển. Tuy nhiên, cảnh quan trên bờ biển khá đẹp, thích hợp để xây dựng các khu nghỉ dưỡng và dịch vụ trên bờ biển.

Bãi biển phía Nam xã An Vĩnh, An Hải: Khu vực sóng êm, cảnh quan trên bờ biển đẹp, dưới biển có rạn san hô, thích hợp để phát triển du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển, lặn biển ngắm san hô và các dịch vụ khác trên bờ biển.

Bãi Hang (phía Bắc đảo Bé): Khu vực này bãi cát tốt hơn so với đảo Lớn, bờ biển đẹp, thích hợp để phát triển du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển, lặn biển ngắm san hô và các dịch vụ khác trên bờ biển.

Về đa dạng sinh học: Lý Sơn có hệ sinh thái biển đảo nhiệt đới đa dạng, dưới biển có rạn san hô nhiều màu sắc, quý nhất là san hô đen dùng làm thuốc, có giá trị kinh tế cao. Như vậy, đảo Lý Sơn là khu vực có giá trị kinh tế cao, đặc biệt cho phát triển du lịch với các mô hình lặn biển ngắm san hô, du lịch sinh thái biển đảo và ẩm thực.



*Tài nguyên du lịch sinh thái nhân văn*

Lý Sơn là nơi hội tụ nhiều tài nguyên du lịch nhân văn có giá trị.

- Các di tích văn hóa khảo cổ như: Di tích Giếng Tiên, Xóm Ốc, Suối Chình... Đây là những di tích văn hóa khảo cổ quan trọng của nền văn hóa Sa Huỳnh, nơi đây đã tìm được nhiều hiện vật về công cụ lao động thời xưa và các tàn tích thức ăn, xương chế tác công cụ... Đây là điểm đến khá hấp dẫn cho du khách tham quan, khám phá và trải nghiệm, nghiên cứu văn hoá đảo Lý Sơn.

- Các di tích lịch sử văn hoá như: Cụm di tích đình làng An Hải, đình làng An Vĩnh, di tích chùa Hang và Âm Linh Tự (là những di tích cấp quốc gia). Ngoài ra còn có một số di tích cấp tỉnh có nhiều giá trị phục vụ du lịch như: Di tích đền thờ cá ông Lãng Chánh, dinh bà Thiên Y-A-Na, dinh Tam Tòa, Lăng cá Ông, nhà thờ Phạm Quang Ảnh và Võ Văn Khiết. Đặc biệt trên huyện đảo Lý Sơn có các di tích có giá trị lịch sử rất quan trọng gắn với người lính trong đội hùng binh Hoàng Sa năm xưa như: Di tích Âm Linh Tự, mộ lính Hoàng Sa và nhà trưng bày lưu niệm đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải... Đây là điểm đến rất hấp dẫn cho du khách tham quan, tìm hiểu và nghiên cứu về văn hóa biển đảo, chủ quyền quốc gia.

- Các lễ hội và phong tục tập quán ở huyện đảo Lý Sơn cũng khá phong phú gắn liền với văn hóa, đời sống cư dân vùng biển đảo, như: Lễ đua thuyền tứ linh (lễ hội tưởng nhớ đến các vị tiền nhân buổi đầu đã khai sinh ra đảo và cầu mong cho quốc thái, dân an); Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa (mục đích cầu cho những linh hồn Hoàng Sa được siêu thoát nhằm tri ân những anh hùng vô danh đã vì tổ quốc hy sinh trên vùng biển đảo)... Cùng với các sinh hoạt lễ hội đầu năm như tế đình, đua thuyền truyền

thông, đồ vật, hội đờn bóng với nghi thức tổ chức cho thấy đây là một sinh hoạt lễ hội hết sức độc đáo phản ánh đậm nét văn hóa truyền thống.

Trên đảo có nhiều hải sản quý giá như: Đồn đột, vú biển, vich, vảy (đồi mối) và nhiều loại tôm, cua huỳnh đế, ốc biển Lý Sơn, mực... Ngoài ẩm thực hàng ngày, Lý Sơn còn có nhiều món đặc sản mà ít có nơi nào có được như: Món gỏi tỏi, món xào tỏi, rượu tỏi mồ côi (tỏi một), chè rong biển, bánh ít lá gai... Ngoài ra, Lý Sơn còn có những sản phẩm nông nghiệp đặc trưng như hành, tỏi,...

- Về nhà cổ và nhà dân (mô hình homestay): Ở huyện đảo Lý Sơn có 8 nhà cổ và 20 hộ dân đón khách du lịch lưu trú tại nhà (mô hình du lịch homestay), trong đó có 2 hộ gia đình có cơ sở hạ tầng hiện đại để phục vụ du khách trong và ngoài nước. Mỗi nhà có thể đón tiếp từ 6-10 khách và phục vụ ăn uống, nghỉ ngơi, hướng dẫn tham quan di tích lịch sử văn hoá, trải nghiệm và khám phá thiên nhiên,...

**3. Kết quả nghiên cứu****3.1. Thực trạng hoạt động du lịch đảo Lý Sơn***Khách du lịch*

Theo số liệu của Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Quảng Ngãi, những năm gần đây, lượng khách du lịch đến đảo Lý Sơn liên tục tăng, năm 2007 là 2.112 người, năm 2014 tăng lên 36.620 lượt khách (trong đó, 381 người là khách nước ngoài), đến năm 2016 tăng lên nhanh chóng là 164.902 người (trong đó có 933 khách quốc tế). Đầu năm 2017, lượng khách đến Lý Sơn không ngừng tăng lên so với những năm trước, chỉ tính riêng ngày lễ 30/4 và 1/5 có hơn 8.000 khách. Theo Quy hoạch phát triển du lịch huyện đảo Lý Sơn, đến năm 2020, Lý Sơn sẽ đón hơn 80.000 lượt



khách với hơn 1.000 lượt khách quốc tế, doanh thu ước đạt 193,45 tỷ đồng. Nếu như trước đây, khách chủ yếu thăm những điểm du lịch biển đảo, thì nay, nhiều du khách còn khám phá những nét văn hoá đặc trưng và hoà mình vào cuộc sống của cư dân trên đảo. Đây là một trong những lý do khiến cho lượng khách tới Lý Sơn đã dần tăng theo từng năm. Thời gian lưu trú của du khách cũng đã kéo dài hơn so với trước kia.

Một trong những yếu tố quan trọng để hoạt động du lịch sinh thái cộng đồng được diễn ra là chất lượng du lịch phải đảm bảo và những dịch vụ thoả mãn được phần nào nhu cầu của khách. Điều kiện khí hậu, cảnh quan vùng biển và ven biển, giá thành dịch vụ và chất lượng của các dịch vụ, thái độ phục vụ của người dân địa phương là yếu tố được khách du lịch đánh giá cao khi đến đảo Lý Sơn. Tuy nhiên, một số yếu tố như thiếu nước trong sinh hoạt, chất lượng hướng dẫn viên, hiện tượng chèo kéo ở khu nghỉ dưỡng vào ở nhà cổ hoặc homestay cũng được du khách phản ánh.

*Khách sạn, nhà nghỉ và dịch vụ lưu trú ở đảo Lý Sơn*

Bên cạnh lượt khách tăng cao, hệ thống khách sạn, nhà nghỉ và cơ sở lưu trú cũng được nâng cấp và xây mới. Ở huyện Lý Sơn, năm 2014 có 20 dịch vụ cơ sở lưu trú, trong đó có 02 khách sạn, 15 nhà nghỉ, với tổng số 109 phòng nghỉ. Đến năm 2017, hệ thống nhà nghỉ, khách sạn tăng lên nhanh chóng, với tổng số 648 phòng, trong đó có 06 khách sạn, 46 nhà nghỉ, 01 nhà trọ (Thống kê của Ủy ban nhân dân huyện Lý Sơn, năm 2014). Hệ thống khách sạn, nhà nghỉ và cơ sở lưu trú trên phục vụ các đoàn khách với số lượng từ 20 người trở lên... Ngoài ra, có hệ thống giao thông đường biển ngày càng được nâng cấp với chất lượng đảm bảo, nhất là 11 tàu cao tốc phục vụ tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn và ngược lại, 16 ca nô phục vụ từ đảo Lớn xã An Hải sang đảo Bé, xã An Bình, và 01 tàu đáy kính phục vụ ngắm san hô; 80 xe du lịch lớn nhỏ, 90 nhà hàng, quán ăn.

#### *Doanh thu từ du lịch*

Doanh thu từ hoạt động du lịch ở đảo Lý Sơn tăng lên nhanh chóng qua các năm, được phản ánh ở Bảng 1.

**BẢNG 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI LÝ SƠN TỪ 2007-2019**

	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2019
<b>1. Tổng số du khách</b> (lượt khách)	<b>2.112</b>	<b>2.500</b>	<b>26.000</b>	<b>27.380</b>	<b>30.450</b>	<b>28.230</b>	<b>36.120</b>	<b>76.345</b>
Khách nội địa	2.071	2.403	25.984	27.360	30.427	28.199	36.078	75.475
Khách quốc tế	41	97	16	20	23	31	42	870
<b>2. Tổng thu</b> (triệu đồng)	<b>1.056</b>	<b>1.250</b>	<b>7.800</b>	<b>8.208</b>	<b>9.135</b>	<b>8.469</b>	<b>34.624</b>	<b>189.320</b>

*Nguồn: Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Lý Sơn (2019).*

Có thể thấy lượng du khách và doanh thu từ du lịch tăng đều hàng năm, đó là kết quả

của sự quảng bá các giá trị của tài nguyên du lịch, sản phẩm du lịch của Lý Sơn. Tuy nhiên,



lượng du khách đến đảo năm 2009 không tăng vì lý do thời tiết thất thường, Lý Sơn phải gánh chịu hậu quả nặng nề của cơn bão số 9 vào tháng 9/2009, nhiều công trình bị phá hủy, trong đó cảng Lý Sơn bị hư hại nặng, ảnh hưởng rất lớn đến giao thông đường thủy. Riêng năm 2013, lượng khách và tổng thu từ du lịch tăng đột biến so với năm 2012, là do Lễ Khao lễ thể linh Hoàng Sa được tổ chức với quy mô lớn, hơn nữa, thời tiết tốt nên thu hút được một lượng lớn khách du lịch.

Dự kiến năm 2020, huyện đảo Lý Sơn đón 81.000 lượt khách du lịch, trong đó khách quốc tế đạt 1.000 lượt; tổng doanh thu từ khách du lịch đạt 193,45 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 7,06% GDP của huyện; đồng thời tạo việc làm cho 2.100 lao động với các sản phẩm du lịch đặc thù như du lịch gắn với chủ quyền quốc gia, du lịch sinh thái trong khu bảo tồn biển, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, du lịch homestay (Ủy ban nhân dân huyện Lý

Sơn, 2019). Mặc dù vậy, có thể khẳng định rằng, du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng đang là ngành kinh tế tăng trưởng nhanh, góp phần đáng kể vào tổng sản phẩm trên địa bàn huyện đảo Lý Sơn.

*Hoạt động đầu tư, xúc tiến, quảng bá du lịch*

Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch góp phần đáng kể vào sự gia tăng tổng sản phẩm trên địa bàn huyện đảo Lý Sơn. Thông qua việc tuyên truyền qua báo, đài, truyền hình cùng với việc tìm hiểu, xây dựng và khôi phục các lễ hội truyền thống, hoành phi, câu đối ở các điểm du lịch, tăng cường quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hình thức: mạng xã hội, tờ rơi, tập gấp, phát hành sách thơ, văn ca ngợi thắng cảnh và con người Lý Sơn. Bên cạnh đó, các loại đĩa DVD được xây dựng với mục đích tuyên truyền, quảng bá du lịch biển đảo Lý Sơn cũng được phát trên các chuyến tàu cao tốc.

**BẢNG 2. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHO DU LỊCH Ở ĐẢO LÝ SƠN**

*Đơn vị: triệu đồng*

Nguồn vốn	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Dự kiến năm 2020	Tổng số
- Nhà nước	4.369	6.249	9.000	11.250	13.100	16.605	60.600
+ Đầu tư	3.726	4.583	6.400	7.500	9.600	11.000	42.809
+ Sự nghiệp	900	1.566	2.300	2.850	3.600	4.584	15.800
- Xã hội hoá	2.260	2.983	3.530	3.800	4.291	4.757	21.587
Tổng số	11.248	15.381	21.230	25.400	30.591	36.946	140.796

*Nguồn: Ủy ban nhân dân huyện Lý Sơn (2019).*

**3.2. Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng và những chuyển đổi trong đời sống kinh tế - xã hội của cư dân đảo Lý Sơn**

Các hình thức tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái và dịch vụ của cư dân bao gồm:

Dịch vụ ăn uống (từ cửa hàng ăn uống đến nhà hàng) chiếm tỷ lệ 21,1% số trường hợp được hỏi; Dịch vụ đồ uống, cà phê và tập hóa chiếm 12,5%; Kinh doanh vận chuyển, tập trung vào việc cho thuê mướn các xe máy, tàu bè hoặc vận chuyển du khách tham quan đảo chiếm



20%; Sản xuất và buôn bán hàng tỏi chiếm 13,4% và bán hàng lưu niệm với các sản phẩm như sò, ốc, các sản phẩm từ san hô chiếm 7,8%; Dịch vụ lưu trú tại các khách sạn, nhà nghỉ chiếm 4,5% và lưu trú tại nhà - Homestay chiếm 2,7%; Cho thuê dụng cụ bơi lặn cho khách chiếm 1,2%; Buôn bán các loại hải sản chiếm 10,4% và khác 6,4% (Ủy ban nhân dân huyện Lý Sơn, 2019).

Du lịch cộng đồng homestay và trải nghiệm không gian văn hoá làng đã phát triển ở cả 3 xã trên đảo Lý Sơn. Đó là việc đón khách lưu trú tại gia, hướng dẫn tham quan di tích lịch sử văn hoá tại địa phương và khám

phá thiên nhiên và thưởng thức ẩm thực làng biển, du lịch sinh thái nông nghiệp.

Du lịch sinh thái nông nghiệp tại làng biển phục vụ khách vào tham quan chụp ảnh, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp, bán hàng nông sản. Ở Lý Sơn đã hình thành các Hợp tác xã nông nghiệp, nhóm hộ gia đình chuyên môn hoá sản phẩm nông nghiệp. Theo thống kê ở huyện Lý Sơn năm 2018, có 55 hộ gia đình kết hợp với nhau tạo thành một hình thức cung cấp dịch vụ trải nghiệm nông thôn đặc thù làng biển. Đây là mô hình được du khách trong và ngoài nước rất quan tâm.

**BẢNG 3. THÔNG KÊ SỐ HỘ LÀM DU LỊCH CỘNG ĐỒNG Ở ĐẢO LÝ SƠN NĂM 2019**

TT	Xã	Số thôn	Số hộ
1	An Vĩnh	2	13
2	An Hải	1	3
3	An Bình	1	4
<b>Tổng số</b>		<b>4</b>	<b>20</b>

*Nguồn: Nguyễn Thị Minh Thúy tổng hợp 3/2020.*

Nguồn thu nhập từ hoạt động cho thuê nhà là từ 8-9 triệu đồng/tháng/hộ, nguồn thu này có thể tăng lên hoặc giảm tùy thuộc vào lượng khách du lịch. Ngoài ra, nguồn thu từ dịch vụ ăn uống và hướng dẫn du lịch từ 5-6 triệu đồng/tháng/người. Tham gia vào hoạt động này chủ yếu là phụ nữ. Ở huyện đảo Lý Sơn có 20 hộ, do phụ nữ đứng ra hoạt động kinh doanh dịch vụ homestay từ năm 2012 nhưng phải đến năm 2014 hoạt động này mới thực sự mang lại hiệu quả. Theo lời kể của những người kinh doanh dịch vụ du lịch này, nguồn thu nhập từ hoạt động du lịch cộng đồng khá ổn định, cao hơn rất nhiều so với làm nông nghiệp và dịch vụ nghề biển (Phòng văn sâu, Nguyễn Thị H, 43 tuổi, xã An Hải, tháng 6/2019).

Theo số liệu thống kê của Ủy ban nhân dân huyện Lý Sơn năm 2018, xã An Hải và An Vĩnh có 45 người làm nghề hướng dẫn viên du lịch (chủ yếu là thanh niên và phụ nữ). Nguồn thu nhập từ hoạt động này được trả theo đoàn, theo tổ chức,... Trong một ngày, mỗi hướng dẫn viên có thể hướng dẫn từ 3-5 đoàn khách tới thăm quan hệ thống các di tích và thắng cảnh trong huyện.

Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng ở đảo Lý Sơn đã thu hút hầu hết lao động không tham gia nghề biển mà chủ yếu là phụ nữ, người già và thanh niên mới lớn vào các hoạt động phục vụ lưu trú tại nhà, hướng dẫn viên du lịch, phục vụ ăn uống,... Hiệu quả từ hoạt động này mang lại không chỉ phát huy thể mạnh của cư dân cũng như điều kiện tự nhiên của địa phương mà còn làm thay đổi cơ cấu



nghe nghiệp, từng bước tạo sự chuyển dịch lao động từ ngư nghiệp và nông nghiệp sang du lịch và dịch vụ. Rõ ràng, sự tham gia của cộng đồng cư dân trong phát triển du lịch, đặc biệt trong việc tận dụng thế mạnh về sinh thái biển và các giá trị văn hoá truyền thống là rất tích cực. Hơn nữa, việc phát triển du lịch sinh thái kết hợp với du lịch khám phá văn hoá ở địa phương được đánh giá đang từng bước chuyển nghiệp, hiệu quả, giúp cải thiện đời sống sinh kế của cư dân, đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển bền vững địa phương.

### Kết luận

Mô hình phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng và khám phá các giá trị văn hoá ở đảo Lý Sơn cần được nhân rộng trong không gian địa lý các tỉnh ven biển từ Đà Nẵng đến Khánh Hoà trong vùng biển Trung và Nam Trung Bộ. Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng có thể phát triển ở khu vực này do đây là nơi có diện trường rộng lớn, biển sâu, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, có nhiều hòn

đảo lớn ở gần và xa bờ. Hơn nữa, đây cũng là nơi giàu truyền thống văn hoá biển đảo cần được bảo tồn và phát huy trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

Phát triển du lịch biển đảo Lý Sơn trở thành tâm điểm của du lịch tỉnh Quảng Ngãi theo hướng du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng, huy động sự tham gia của cộng đồng trong phát huy tiềm năng lợi thế về phát triển du lịch biển và các danh thắng thiên nhiên, di tích lịch sử văn hóa nhất là các di tích về Hải đội Hoàng Sa và các lễ hội như lễ đua thuyền tứ linh, lễ khao lề thế lính Hoàng Sa,.... Hơn nữa, du lịch sinh thái từ cộng đồng phát triển cũng sẽ trở thành ngành kinh tế quan trọng trong tổng sản phẩm của huyện Lý Sơn, vừa góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa; giúp người dân giảm nghèo; vừa góp phần vào sự phát triển của ngành du lịch theo hướng bền vững.

### Tài liệu tham khảo

1. Ashley, C. and Garland, E (1994). *Promoting Community - Based Development: Why, What and How?* Reserch Discussion Paper, Number 4, Ministry of Environment and Tourism, Namibia.
2. Bùi Xuân Đỉnh, Nguyễn Thị Thanh Bình (2019). *Đời sống xã hội và văn hoá của cộng đồng ngư dân ven biển và hải đảo từ Đà Nẵng đến Khánh Hoà góc nhìn Dân tộc học*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Đỗ Thị Minh Đức (2007). “Du lịch cộng đồng tại làng cá ở Vân Đồn, Quảng Ninh”, *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 2.
4. Chử Thị Thu Hà (2013). “Văn hoá Thái ở bản Áng với phát triển du lịch tại địa phương”. *Thông báo Dân tộc học*, tr.511-520.
5. Harold Goodwin and Rosa Santilli (2009). “Community based tourism: a success?” *IRCT occasional paper 11*. vol.37, no.1, pp.1-37.
6. Phạm Thị Mộng Lâm, Lâm Thị Mai Lan (2000). *Du lịch với dân tộc thiểu số ở Sa Pa*. Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên quốc tế. Trung tâm nghiên cứu địa lý nhân văn. Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Hải Lê (2013). *Biển trong văn hoá người Việt*. NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
8. Nguyễn Thanh Lợi (2014). *Một góc nhìn về văn hoá biển*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Phạm Trung Lương và cộng sự (2002). *Du lịch sinh thái-những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*. NXB Giáo dục, Hà Nội.



10. Nicole Hausler and Wolfgang Strasdas (2000). *Community Based Sustainable Tourism A Reader*. Washington DC, WWF, USA, vol 1/2000.
11. Đỗ Hoài Nam (Chủ biên, 2003). *Phát triển kinh tế - xã hội và môi trường các tỉnh ven biển Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017). *Luật du lịch*, số 09/2017/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2018.
13. Sở Văn hoá, thể thao và du lịch Quảng Ngãi (2013). *Biển đảo Quảng Ngãi lịch sử - kinh tế - văn hoá*. NXB Lao động, Hà Nội.
14. Hà Đình Thành (2016). *Văn hoá biển và bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá biển vùng duyên hải Nam Trung Bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Trần Ngọc Thêm (Chủ biên, 2013). *Văn hoá người Việt vùng Tây Nam Bộ*. NXB Văn hoá - Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
16. Nguyễn Duy Thiệu (2002). *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Phan Thị Yến Tuyết (2014). *Đời sống xã hội - kinh tế - văn hoá của cư dân vùng biển Nam Bộ*. NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
18. Ủy ban Nhân dân huyện Lý Sơn (2014). *Đề án Phát triển du lịch biển đảo Lý Sơn giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2025*. Ủy ban nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
19. Wheeler, B. (1992). Is progressive tourism appropriate? *Tourism Management*, vol.13, No.1. pp.104-105.
20. WWF International (2001), *Guidelines for community-based ecotourism development*.

---

**Thông tin tác giả:**

Nguyễn Thị Minh Thúy, ThS.

- Đơn vị công tác: Đại học Văn hóa Hà Nội

- Địa chỉ email: tam110986@gmail.com

Ngày nhận bài: 24/4/2020

Ngày nhận bản sửa: 5/8/2020

Ngày duyệt đăng: 20/8/2020